TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:147 /2018/DS-PT
Ngày: 26–9-2018
V/v " Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lộc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Mới

Ông Nguyễn Văn Ngừng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Tuyết Lan – kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2018/TLPT-DS ngày 24/7/2018 về việc:" Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2018/DS-ST, ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 237/2018/QĐ-PT ngày 11/9/2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim N, sinh năm 1962

Địa chỉ: Đường P, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nhu: Ông Tô Vĩnh H1.

Địa chỉ: L, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2011)

2/ Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1958

Địa chỉ: Đường P, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Minh Hoan H2, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, ấp T1, xã T2, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 07/01/2013)

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Bà Nguyễn Huỳnh Mai T3, sinh năm 1978

Địa chỉ: Đường P, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3.2/ Bà Nguyễn Kim H3.

Địa chỉ: Đường P, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H3: Ông Tô Vĩnh H1.

Địa chỉ: Đường L, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

3.3/ Bà Nguyễn Thị Ngọc T3, sinh năm 1958

3.4/ Bà Nguyễn Thị Huỳnh N1, sinh năm 1980

3.5/ Bà Nguyễn Thị Ngọc T4, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Đường P, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền của bà T4, chị N1, chị T4: Ông Trần Minh Hoan H2, sinh năm 1974. theo văn bản ủy quyền cùng ngày 07/01/2013.

Người kháng cáo: Ông Tô Vĩnh H1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Kim N và bà Nguyễn Huỳnh Mai T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/3/2012 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Kim N trình bày: Bà là chủ sử dụng thửa đất số 5 tờ bản đồ số 17, diện tích 230,1m^2, đất tọa lạc tại khóm A, Phường A, thành phố V giáp ranh với thửa đất 2-2 do hộ ông Nguyễn Văn Sđứng tên quyền sử dụng đất. Hộ ông S lấn chiếm đất của bà và hai bên không thương lượng được việc xác định ranh, nên bà khởi kiện yêu cầu bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chung hộ ông S) có nghĩa vụ trả lại diện tích đất lấn chiếm và tháo dở vật kiến trúc trên đất.

Theo bản khai ý kiến của bà Nguyễn Thị Ngọc T4 là đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Quỳnh N1, Nguyễn Thị Ngọc T4 trình bày: việc lấn chiếm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là không đúng. Các bên sử dụng đúng ranh giới từ trước đến nay nên việc lấn chiếm là hoàn toàn không có.

Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2015 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 trình bày: thửa đất của gia đình chị sử dụng giáp ranh với đất của bà N. Trước đây bà N mua đất của bà Mai Thị T5 100m^2, trong quá trình sử dụng bà N mua thêm đất của gia đình chị ngang 6,4m, dài 15m, diện tích 96m^2, sau đó Nhà nước đo đạc, bồi hoàn, bà N bị thu hồi 56,5m^2 thì lẽ ra diện tích đất còn lại của bà N chỉ khoảng 139,5m^2

nhưng bà N đã khai báo và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 5 tờ bản đồ 17 với diện tích 230,1m^2. Do đó chị xác định, phía bà Nđã lấn chiếm đất của gia đình chị và yêu cầu bà N phải trả lại diện tích lấn chiếm theo đo đạc là 26m^2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DSST ngày 05/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V đã xử:

Áp dụng Điều 166,170, 203 Luật đất đai 2013; Điều 166, 175,176 BLDS 2015, Điều 147,157,165 BLTTDS 2015; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim Nhu đối với hộ ông Nguyễn Văn Sáu.

- Buộc ông Nguyên Văn S, bà Nguyễn Thị Ngọc T4, chị Nguyễn Thị Huỳnh N1, Nguyễn Thị Ngọc T4 có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị 10,6m^2 đất thửa số 5 tờ bản đồ 17, tọa lạc khóm A, Phường A, thành phố V cho bà Nguyễn Kim N với số tiền 47.700.000đ (*bốn mươi bảy triệu bảy trăm ngàn đồng*).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người liên quan có yêu cầu độc lập chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 đối với bà Nguyễn Kim N. Buộc bà Nguyên Kim N có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị 0,5m^2 đất thửa số 6 tờ bản đồ 17, tọa lạc khóm A, Phường A, thành phố V cho chị Trúc với số tiền 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm ngàn đồng*).

- Không chấp yêu cầu tranh chấp đòi phần đất giáp ranh 26,1m^2 thuộc thửa số 5, tờ bản đồ 17, tọa lạc khóm A, PhườngA, thành phố V của chị T4 đối với bà N.

- Bà Nguyễn Kim N, hộ ông Nguyên Văn S, chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 được kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật (kèm trích đo bản đồ).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/6/2018 anh Tô Vĩnh H1 đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Kim N kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa phúc thẩm giải quyết các vấn đề sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyên Văn S, bà Nguyễn Thị Ngọc T4, chị Nguyễn Thị Huỳnh N1, Nguyễn Thị Ngọc T4 phải di dời vật kiến trúc trả lại cho nguyên đơn Nguyễn Kim N 10,6m^2 đất thửa số 5, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố V. Trường hợp không chấp nhận trả đất thì buộc ông Nguyên Văn S, bà Nguyễn Thị Ngọc T4, chị Nguyễn Thị Huỳnh N1, Nguyễn Thị Ngọc T4 trả lại giá trị 10,6m^2 đất thửa số 5, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố V cho nguyên đơn Nguyễn Kim N giá trị thị trường 20.000.000đ/m^2 .

Ngày 19/6/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Huỳnh Mai T3 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà Nguyễn Kim N phải bồi thường cho tôi giá trị 26,3m^2 đất bà đã xây dựng lấn chiếm qua đất của tôi theo giá đất 7.000.000đ/m^2 thành tiền là 186.200.000đ.

Ngày 05/9/2018 chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 có đơn xin rút đơn kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngày 21/9/2018 anh Trần Minh Hoan H2 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Ngọc T4, Nguyễn Thị Huỳnh N1 và Nguyễn Thị Ngọc T4 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Tô Vĩnh H1 đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Kim N thay đổi kháng cáo, bà Nguyễn Kim Nđồng ý giao đất tranh chấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ssử dụng, buộc ông Nguyên Văn S, bà Nguyễn Thị Ngọc T4, chị Nguyễn Thị Huỳnh N1, Nguyễn Thị Ngọc T4 trả giá trị 10,6m^2 đất thửa số 5, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố Vĩnh Long cho bà Nguyễn Kim N giá trị thị trường 7.000.000đ/m^2 x 10,6m^2 = 74.200.000đ. Ngoài ra anh Tô Vĩnh H1 không có yêu cầu gì khác.

Anh Trần Minh Hoan H2 và chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Minh Hoan H2 và chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xử vắng mặt anh Trần Minh Hoan H2 và chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, ngày 05/9/2018 chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Xét thấy việc rút kháng cáo của chị T3 là tự nguyện, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Huỳnh Mai T3.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, anh Tô Vĩnh H1, đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Kim N thay đổi yêu cầu kháng cáo. Anh Tô Vĩnh H1 đồng ý giao đất tranh chấp 10,6m^2 cho hộ ông Nguyễn Văn S sử dụng, yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn S bồi hoàn giá trị phần đất tranh chấp cho nguyên đơn theo giá 7.000.000đ/m^2.

Xét kháng cáo của ông Tô Vĩnh H1, đại diện theo uỷ quyền của bà N là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 4 Điều 29

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội

+ Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Huỳnh Mai T3.

+ Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tô Vĩnh H1, đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Kim N; Sửa án sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm bà Nguyễn Huỳnh Mai T3 phải chịu 150.000đ, bà Nguyễn Kim N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án ngày 05/6/2018, ngày 18/6/2018 anh Tô Vĩnh H1 đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Kim N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm và ngày 19/6/2018 chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của các đương sự còn trong hạn luật định, nên Tòa án phúc thẩm thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét anh Trần Minh Hoan H2 và chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh H1 và chị T3 theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Kim N có anh Tô Vĩnh H1 làm đại diện, bà Nguyễn Kim N đồng ý giao đất tranh chấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ssử dụng, buộc ông Nguyên Văn S, bà Nguyễn Thị Ngọc T3, chị Nguyễn Thị Huỳnh N1, Nguyễn Thị Ngọc T4 trả giá trị 10,6m^2 đất thửa số 5, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố V cho bà Nguyễn Kim N giá trị thị trường 7.000.000đ/m^2 x 10,6m^2 = 74.200.000đ là có căn cứ chấp nhận; Bởi lẽ, bà Nguyễn Kim N có phần đất thuộc thửa đất số 5 tờ bản đồ số 17, diện tích 230,1m^2, đất tọa lạc tại khóm A, Phường A, thành phố V, giáp ranh với thửa số 5 của bà N là thửa đất số 2-2 của hộ ông Nguyễn Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thửa số 6 do chị Nguyễn Huỳnh Mai T3c đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng, bà Nguyễn Kim N cho rằng hộ ông Nguyễn Văn S đã lấn qua đất của bà N, phía chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 thì cho rằng bà Nguyễn Kim N lấn qua phần đất của chị T3 có diện tích là 26,6m^2. Nên xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các đương sự.

[4] Theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 16/8/2016 và công Công văn số 88/CV-PTNMT ngày 23/8/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V xác định theo sự chỉ ranh của đại diện cho nguyên đơn là ông Tô Vĩnh H1 có diện tích 231,6m^2, trong đó có 14,3m^2 tranh chấp với hộ ông Nguyễn Văn Svà có 26,6m^2 tranh chấp với chị Nguyễn Huỳnh Mai T3. Trong 14,3m^2 tranh chấp có

10,6m^2 thuộc thửa số 5 và 3,7m^2 thuộc thửa số 2. Trong 26,6m^2 tranh chấp có 26,1m^2 thuộc thửa số 5 và 0,5m^2 thuộc thửa số 6.

[5] Do đó có đủ căn cứ xác định hộ ông Nguyễn Văn S có lấn qua thửa số 5 của bà Nguyễn Kim N 10,6m^2 và phía bà Nguyễn Kim N có lấn qua thửa số 6 của chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 0,5m^2. Trên thần đất tranh chấp giữa các đương sự có vách tường rào, tường nhà của gia đình ông S và vách tường rào của bà N. Hộ ông Nguyễn Văn S đồng ý trả giá trị đất tranh chấp cho bà Nguyễn Kim N theo diện tích đo đạc, nên án sơ thẩm buộc hộ ông S trả giá trị đất cho bà N và buộc bà Nguyễn Kim N trả giá trị đất cho chị Nguyễn Huỳnh Mai T3theo diện tích trên là có căn cứ.

[6] Về giá đất. Tại cấp sơ thẩm, anh Tô Vĩnh H1 đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Kim N và chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 thống nhất giá đất tranh chấp là 7.000.000đ/m^2, còn anh Trần Minh Hoan H2 đại diện theo ủy quyền của ông Nguyên Văn S, bà Nguyễn Thị Ngọc T3, chị Nguyễn Thị Huỳnh N1, Nguyễn Thị Ngọc T4 đưa ra giá đất tranh chấp là 2.000.000đ/m^2. Án sơ thẩm buộc bà Nguyễn Kim N có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị 0,5m^2 đất thuộc thửa số 6 cho chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 theo giá 7.000.000đ/m^2 = 3.500.000đ, nhưng lại áp dụng giá 4.500.000đ đối với thửa số 5 buộc hộ ông Nguyễn Văn S bồi hoàn giá trị cho bà Nguyên Kim N là chưa phù hợp vì hai thửa đất này cùng vị trí liền kề. Chị T3 và đại diện theo uỷ quyền của bà N đều thống nhất giá thị trường tại vị trí đất tranh chấp có giá 7.000.000đ, phù hợp với thực tế ở địa phương, do đó cần phải sửa án sơ thẩm, buộc hộ ông S có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị 10,6m^2 cho bà Nguyễn Kim N theo giá 7.000.000đ/m^2 bằng số tiền 74.200.000đ là phù hợp. Do đó chấp nhận đơn kháng cáo của anh Tô Vĩnh H1 đại diện cho bà Nguyễn Kim N1, sửa án sơ thẩm.

[7] Án sơ thẩm buộc hộ ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Kim Ntrả giá trị đất tranh chấp, nhưng không công nhận đất tranh chấp cho họ là chưa phù hợp, nên cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm công nhận đất tranh chấp cho họ là phù hợp. Tại cấp sơ thẩm anh Tô Vĩnh H1 đưa ra giá đất vườn (đất trồng cây lâu năm) là 7.000.000đ/m^2 đã được cấp sơ thẩm chấp nhận, nên phần đất tranh chấp giữa các đương sự là loại đất trồng cây lâu năm.

Do sửa án sơ thẩm, nên hộ ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Kim N không phải chịu án phí phúc thẩm. Chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 phải chịu 150.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Chấp nhận kháng cáo của anh Tô Vĩnh H1 đại diện của bà Nguyễn Kim N.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2018/DS-ST, ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Áp dụng Điều 166,170, 203 Luật đất đai 2013; Điều 166, 175,176 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 147,157,165, điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 4 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1/ Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của chị Nguyễn Huỳnh Mai T3.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim N đối với hộ ông Nguyễn Văn S.

+ Công nhận cho hộ ông Nguyễn Văn S được sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 10,6m^2 loại đất trồng cây lâu năm, thuộc chiết thửa số 5, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

+ Buộc ông Nguyên Văn S, bà Nguyễn Thị Ngọc T3, chị Nguyễn Thị Huỳnh N1, Nguyễn Thị Ngọc T3 có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị 10,6m^2 đất thửa số 5 tờ bản đồ 17, tọa lạc khóm A, Phường A, thành phố V cho bà Nguyễn Kim N với số tiền 74.200.000đ (Bảy mươi *bốn triệu hai trăm ngàn đồng*).

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người liên quan có yêu cầu độc lập chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 đối với bà Nguyễn Kim N.

+ Công nhận cho bà Nguyễn Kim Nđược sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 0,5m^2 loại đất trồng cây lâu năm, thuộc chiết thửa số 6, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc bà Nguyên Kim N có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị 0,5m^2 đất thửa số 6 tờ bản đồ 17, tọa lạc khóm A, Phường A, thành phố Vĩnh Long cho chị T3 với số tiền 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm ngàn đồng*).

- Không chấp yêu cầu tranh chấp đòi phần đất giáp ranh 26,1m^2 thuộc thửa số 5, tờ bản đồ 17, tọa lạc khóm A, Phường A, thành phố V của chị T3 đối với bà N.

- Bà Nguyễn Kim N, hộ ông Nguyên Văn S, chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 được kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật (kèm theo trích

đo bản đồ địa chính khu đất ngày 16/8/2016 của Phòng tài nguyên và Môi trường thành phố V).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải chịu hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Ngọc T3, chị Nguyễn Thị Huỳnh N1, Nguyễn Thị Ngọc T4 nộp 3.710.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T3 phải chịu 200.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền chị T3 đã nộp tạm ứng án phí 453.000đ theo biên lai thu số 023302 ngày 07/7/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, hoàn trả chị Trúc 253.000đ.

Bà N phải chịu 200.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền bà N đã nộp tạm ứng án phí 2.230.000đ theo biên lai thu số 005780 ngày 20/11/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, hoàn trả bà Nhu 2.030.000đ.

4/ Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 nộp 150.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0003411 ngày 26/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V. Số tiền này được trừ vào tiền án phí dân sự phúc thẩm, còn lại 150.000đ hoàn trả lại chị Nguyễn Huỳnh Mai T3 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V. Hoàn trả bà Nguyễn Kim N 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0003412 ngày 27/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01b;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TNV: 01b;
- VKSND T Vĩnh Long: 02b;
- TAND TP V: 01b;
- VKSND TP V: 01b;
-CCTHADS TP V:01b;
- Các đương sự: 07b;
- Lưu: 04b./.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lộc